

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2025/DS-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Tron

Bà Nguyễn Kim Lên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; Cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Bà Hồ Hoàng N, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Bà làm chủ hui nhiều năm ở địa phương, trong năm 2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Hoàng N tham gia nhiều dây hui loại 2.000.000 đồng, 5.000.000 đồng (Khoảng 5, 6 dây, do vợ chồng ông H2 đã làm biên nhận thừa nhận nợ nên bà đã huỷ bỏ các danh sách hui, nay không xác định được số dây hui vợ chồng ông H2 đã tham gia). Vợ chồng ông H2 đã hót toàn bộ các dây hui và bà đã giao tiền hui đầy đủ cho vợ chồng ông H2. Sau khi hót hui, vợ chồng ông H2 có đóng hui chết đến hết tháng 6/2018. Từ tháng 7/2018 đến nay thì không tiếp tục đóng hui chết cho bà. Ngày 12/7/2020, vợ chồng ông H2 viết biên nhận cho bà, theo đó còn nợ bà tiền hui chết là 130.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu vợ chồng ông H2 trả tổng số tiền 150.000.000 đồng. Trong đó, nợ hui là

130.000.000 đồng và nợ lãi vay của một khoản vay khác là 20.000.000 đồng (Phần nợ vay bà không yêu cầu khởi kiện nên không được Tòa án thụ lý). Nay bà yêu cầu vợ chồng ông H2 trả nợ hui số tiền 130.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Hoàng N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H2, bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông H2, bà N không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H2, bà N đối với yêu cầu khởi kiện của bà H1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H2, bà N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 về việc đòi bị đơn ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Hoàng N trả nợ hui số tiền 130.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn bà H1 cung cấp tài liệu, chứng cứ là biên nhận đề ngày 12/7/2020 có nội dung: “Tôi Nguyễn Văn H2 có thiếu tiền hui của thiêm chín Thanh là 150.000.000 đồng vừa tiền hui đóng và tiền lời. Ghi chú tui tên Hồ Hoàng N có thiếu thiêm chín thanh 150 triệu, trong đó 20 chục triệu tiền lời”.

Bị đơn ông H2 trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H1.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do ông H2, bà N không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bà H1 đưa ra nên bà H1 không phải chứng minh. Như vậy, việc ông H2, bà N còn nợ bà H1 số tiền hui 130.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, do đó cần buộc ông H2, bà N trả cho bà H1 số tiền này là phù hợp.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Tuy ông H2 và bà N đã ly hôn (Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST ngày 18/4/2022 của TAND huyện Trần Văn Thời) nhưng giao dịch hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông H2 và bà N, do đó khoản nợ là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng ông H2 và bà N đối với bà H1. Do đó, cần buộc ông H2 và bà N trả nợ cho bà H1 là phù hợp.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông H2, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 6.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Buộc ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Hoàng N trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

**2.** Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H2 và bà Hồ Hoàng N phải chịu án phí số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo quy định.

**3.** Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Văn H2, bà Hồ Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Hồng Hà**

